

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



NGUYỄN THỊ THU

Lớp : LKT 12 – 01 khóa:12

**NHỮNG BẤT CẬP VỀ THỜI HIỆU TRONG TỔ TỤNG
DÂN SỰ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: TS. ĐỖ GIA THƯ

Hà Nội, 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



NGUYỄN THỊ THU
Lớp :LKT12-01 khóa:12

**NHỮNG BẤT CẬP VỀ THỜI HIỆU TRONG TỔ TỤNG
DÂN SỰ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT**

Giảng viên hướng dẫn: TS. Đỗ Gia Thư

Nơi thực hiện đề tài: Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 15/03 đến 25/05

Hà Nội, 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong khóa luận là trung thực. Những kết luận khoa học của khóa luận chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ KHOÁ LUẬN

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian nghiên cứu và hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp vừa qua, bằng sự cố gắng và nỗ lực của bản thân cùng với việc tạo điều kiện, sự giúp đỡ nhiệt tình của giảng viên chính Thạc sĩ Đỗ Gia Thư, giảng viên khoa Luật, Trường Đại học Đại Nam, tôi đã hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình. Lời đầu tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô, mặc dù bận rộn nhiều công việc, nhưng cô vẫn dành thời gian để hướng dẫn, góp ý truyền đạt những kiến thức, nội dung bổ ích để tôi có thể hoàn thiện báo cáo.

Mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng do hạn chế về kiến thức lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn nên báo cáo không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự quan tâm hướng dẫn và góp ý của thầy cô và các bạn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	THUẬT NGỮ TIẾNG VIỆT
BLTTDS	Bộ luật Tổ tụng dân sự
BLDS	Bộ luật Dân sự
NQ-HĐTP	Nghị quyết- Hiệp định tương trợ
QĐ-CA	Quyết định- Công an
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HIỆU TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ	6
1.1. Khái quát chung về thời hiệu trong tố tụng dân sự	6
1.1.1 Khái niệm thời hiệu trong tố tụng dân sự	6
1.1.2 Đặc điểm của thời hiệu trong tố tụng dân sự	9
1.1.3 Phân loại thời hiệu trong tố tụng dân sự	11
1.1.4 Ý nghĩa của thời hiệu trong tố tụng dân sự	12
1.2. Pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự	13
1.2.1 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự	13
1.2.2 Quy định pháp luật về thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự	21
1.2.3 Quy định ngoại lệ về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự	25
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỜI HIỆU TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ	32
2.1 Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự	32
2.1.1 Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với các hợp đồng dân sự	32
2.1.2 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	34
2.1.3 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong quan hệ thừa kế	36
2.2 Thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật về thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự	42

2.3 Thực tiễn thực hiện quy định ngoại lệ của pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự	43
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	49
CHƯƠNG 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỜI HIỆU TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ	50
3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự	50
3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự	52
3.3. Kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự	52
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	56
KẾT LUẬN	57
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	58

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Tính cấp thiết của đề tài trong lịch sử lập pháp, thời hiệu tố tụng dân sự đã được quy định trong các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và sau này tiếp tục được quy định trong các pháp lệnh về thủ tục tố tụng. Để thể chế hóa yêu cầu cải cách tư pháp của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, BLTTDS năm 2004 ra đời, quy định về thời hiệu tố tụng dân sự đã được thống nhất ba pháp lệnh trước đó, điều này đã góp phần thúc đẩy việc giải quyết thủ tục tố tụng một cách nhanh chóng, chính xác và xử lý công minh, kịp thời. Tuy nhiên, qua nhiều năm triển khai BLTTDS năm 2004 đã có nhiều hạn chế, bất cập, vì vậy BLTTDS năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011, qua đó thời hiệu về tố tụng dân sự đã được quy định cụ thể tại một chương trong BLTTDS, qua đó khẳng định tính pháp lý và sự quan trọng của thời hạn trong pháp luật tố tụng dân sự. Tuy vậy, qua 5 năm thực hiện các quy định của Bộ luật sửa đổi, bổ sung năm 2011 cho thấy bên cạnh những ưu điểm thì các quy định của Bộ luật này vẫn còn nhiều bất cập. Vì vậy ngày 25/11/2015, Quốc hội thông qua BLTTDS 2015 có hiệu lực từ ngày 1/7/2016. Qua thực tiễn cho thấy, các hoạt động trong giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm vẫn còn kéo dài, tình trạng vi phạm về thời hiệu xảy ra điều này gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết công việc không đạt được hiệu quả cao, không bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn các quy định của BLTTDS năm 2015 đồng thời nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng và đề xuất những giải pháp mang tính khả thi là rất cần thiết nhằm giúp chúng ta có thể hiểu rõ hơn về các quy định về thời hiệu tố tụng. Bên cạnh đó BLTTDS 2015 còn có những bất cập về các quy định thời hiệu. Để đạt được các yêu cầu, nhiệm vụ nêu trên, việc lựa chọn, nghiên cứu đề tài “*Những bất cập về thời hiệu trong tố tụng dân sự*” làm khóa luận là

điều rất cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn trong tiến trình cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Từ trước khi BLTTDS 2015 có hiệu lực đến nay đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự được công bố trên các sách chuyên khảo, tham khảo hoặc được đăng tải trên các tạp trí chuyên ngành khoa học pháp lý .Tiêu biểu các luận văn, bài viết như sau: Luận văn thạc sĩ luật “ *Hoàn thiện chế định khởi kiện vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thu Hiền(2012) tại khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội; Trần Anh Tuấn (Chủ nhiệm đề tài- 2010) “*Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự theo quy định hướng cải cách tư pháp*” ; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, trường Đại học Luật Hà Nội - Bùi Thị Thu Hiền (2013) “*Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự*”; Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội- Phan Thị Thu Hiền (2016) “*Chuẩn bị xét xử vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*”, luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật trường Đại học Quốc Gia Hà Nội- Bùi Thị Thu Huyền (2016) “*Thời hạn sơ thẩm vụ án dân sự theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam 2015*”- Tạp chí Luật học 03/2016, Bài viết “*Thời hiệu dân sự - Nhìn từ góc độ lịch sử và so sánh*” của tác giả Trần Anh Tuấn, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 11 (tháng 6/2011); Bài viết “*Cần có văn bản hướng dẫn thống nhất về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự*” của tác giả Đoàn Đức Lương, Đào Mai Hương được đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 19/2013.

Qua tình hình nghiên cứu về những bất cập về thời hiệu trong tố tụng dân sự, nhiều bài viết đã phân tích chi tiết, rõ ràng các quy định của pháp luật, đồng thời đóng góp trong việc hoàn thiện những bất cập về thời hiệu trong tố tụng dân sự. Tuy nhiên một số bài chỉ nghiên cứu rộng phạm vi hẹp, chưa bao quát hết các quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu cũng

như những bất cập của thời hiệu. Hay đối với các công trình nghiên cứu mặc dù đã nghiên cứu nhưng quy định của pháp luật đã thay đổi nên không thể so sánh với BLTTDS hiện hành để tìm ra những vướng mắc. Do vậy, khóa luận tập trung nghiên cứu một cách toàn diện nhất các quy định về những bất cập thời hiệu trong tố tụng dân sự.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Khóa luận tập trung nghiên cứu lý luận về thời hiệu trong tố tụng dân sự, các quy định của pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự, đặc biệt nghiên cứu các quy định thời hiệu trong tố tụng dân sự từ đó nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định về thời hiệu trong tố tụng dân sự tại Việt Nam. Để từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp để hoàn thiện những bất cập về thời hiệu trong tố tụng dân sự.

Phạm vi nghiên cứu

Thời hiệu trong tố tụng dân sự có rất nhiều vấn đề cần bàn luận, tuy nhiên, trong phạm vi khuôn khổ một Khóa luận tốt nghiệp, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự. Ngoài ra, khóa luận cũng không có nghiên cứu về thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp phát sinh từ quan hệ kinh doanh, thương mại, lao động mà chỉ tập trung nghiên cứu về thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự thuần túy như quan hệ hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thừa kế và thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu.

Khóa luận tập trung luận giải những vấn đề lý luận về thời hiệu trong tố tụng dân sự như: khái niệm, cơ sở, đặc điểm và ý nghĩa về thời hiệu dưới góc độ nghiên cứu so sánh với pháp luật một số nước; đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật dân sự hiện hành trong BLDS năm 2015 về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu; tìm hiểu thực tiễn áp dụng để làm sáng tỏ những vướng

mắc, khó khăn khi áp dụng các quy định về thời hiệu. Kết quả nghiên cứu của đề tài khóa luận nhằm tìm ra những phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện và thực hiện pháp luật về những bất cập thời hiệu trong tố tụng dân sự.

4 . Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1 Mục đích nghiên cứu

Khóa luận tập trung nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận, phân tích các quy định pháp luật dân sự về thời hiệu và tìm ra những điểm bất cập, hạn chế trong thực tiễn áp dụng để từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị hoàn thiện và thực hiện pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự.

4.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ khái niệm, đặc điểm, cơ sở của việc quy định thời hiệu trong tố tụng dân sự.
- Phân tích, đánh giá các quy định của BLDS năm 2015 về thời hiệu trong tố tụng dân sự.
- Phân tích, đánh giá đầy đủ, toàn diện các quy định về thời hiệu k trong tố tụng dân sự và thực tiễn áp dụng. Từ đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân dẫn tới những bất cập đó.
- Đề xuất kiến nghị những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện và áp dụng thống nhất những quy định của pháp luật về những bất cập thời hiệu trong tố tụng dân sự.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra cần sử dụng một số phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cơ bản sau đây:

(I) Việc nghiên cứu thực hiện đề tài được dựa trên phương pháp luận nghiên cứu khoa học duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật;

(II) Bên cạnh đó, khóa luận còn sử dụng một số phương pháp nghiên

cứu chuyên ngành. Cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích, bình luận, diễn giải, phương pháp lịch sử, so sánh luật học... được sử dụng trong Chương 1 khi nghiên cứu tổng quan những vấn đề lý luận về thời hiệu khởi kiện tố tụng dân sự;

- Phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá,... được sử dụng trong Chương 2 khi tìm hiểu và đánh giá các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện tố tụng dân sự;

- Phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích,... được sử dụng ở Chương 3 khi đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật cũng như kiến nghị thực hiện pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề chung của pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự

Chương 2: Thực trạng thực hiện các quy định về thời hiệu trong tố tụng dân sự và những bất cập

Chương 3: Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HIỆU TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

1.1. Khái quát chung về thời hiệu trong tố tụng dân sự

1.1.1 Khái niệm thời hiệu trong tố tụng dân sự

Trong giao lưu dân sự chủ thể tham gia quan hệ tố tụng dân sự được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ được quy định theo pháp luật. Sự ổn định của các quan hệ dân sự là một trong những mục đích điều chỉnh của pháp luật dân sự. Mặt khác, đối tượng của giao lưu dân sự chủ yếu là tài sản để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất, kinh doanh, cho nên tài sản luôn có sự biến đổi về hình thức và tính năng, tác dụng, do vậy cùng với sự thay đổi về thời gian thì tài sản có thể không còn tồn tại. Khi có hành vi vi phạm đến quyền tài sản của mình, người khởi kiện phải chứng minh nguồn gốc tài sản, loại tài sản, hình thức của tài sản... tuy nhiên, với thời gian càng lâu thì việc chứng minh càng gặp khó khăn và nhiều trường hợp không thể chứng minh được. Do vậy, pháp luật quy định một thời gian nhất định cho sự phát sinh, tồn tại hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự, thời hạn này được gọi là thời hiệu.

Trong lĩnh vực dân sự, lợi ích của các bên được xem như là tiền đề dẫn đến tranh chấp, yêu cầu về dân sự. Tranh chấp pháp lý sẽ không thể xuất hiện, nếu không có yêu cầu, khởi kiện của các bên. Khởi kiện là hành vi đầu tiên của các cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, là cơ sở pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật tố tụng dân sự. Khởi kiện trước hết là quyền dân sự của các chủ thể, là phương thức mà các chủ thể yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền dân sự cho mình, cho nhà nước hoặc người khác. Tuy nhiên, quyền khởi kiện của các chủ thể chỉ làm phát sinh nghĩa vụ thụ lý vụ việc của Tòa án khi việc khởi kiện và tạm ứng án phí. Việc xem xét, thụ lý yêu cầu, khởi kiện của các cá nhân, cơ quan tổ chức chính là sự

đảm bảo của Nhà nước đối với việc thực hiện các quyền dân sự của các chủ thể đã được pháp luật ghi nhận và làm phát sinh tại Tòa án các vụ việc dân sự. Việc dân sự là các yêu cầu của các cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, gôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của mình hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác, yêu cầu Tòa án công nhận cho mình quyền về dân sự, joon nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động được Tòa án thụ lý giải quyết. Vì vậy, vụ việc dân sự bao gồm vụ án dân sự và việc dân sự.

Trên cơ sở đường lối đổi mới của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền, về cải cách tư pháp, “*Bộ luật Tố tụng Dân sự 2005 đã được ban hành trên kết quả của sự pháp điển hóa quan trọng và khắc phục được nhiều điểm bất cập, chưa khả thi của các pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động*”¹. Và tới nay, BLTTDS 2015 được ban hành nhằm thay thế trong quá trình thực thi đã bộc lộ một số bất cập của BLTTDS 2005. BLTTDS 2015 đã quy định về trình tự, thủ tục giải quyết đối với trường hợp các bên có tranh chấp và trình tự, thủ tục giải quyết đối với trường hợp các bên không có tranh chấp mà chỉ có yêu cầu Tòa án công nhận một sự kiện pháp lý.

Trong giao lưu dân sự, các chủ thể tham gia quan hệ được hưởng quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ dân sự, việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ dân sự của bên này sẽ xâm phạm tới lợi ích của bên kia. Khi đó, bên có quyền lợi ích hợp pháp bị xâm phạm có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ. Tuy nhiên, cùng với thời gian việc bảo vệ quyền và lợi ích trở lên khó khăn. Vì thế pháp luật quy định một

¹ Nông Thanh Xuyên (2010), *Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.15

thời hạn nhất định cho sự phát sinh, tồn tại hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo vệ quyền lợi ích. Thời hạn này được gọi là thời hiệu.

“Thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định.

Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan.”²

Có thể thấy, thời hiệu trước tiên là một khoảng thời gian do pháp luật quy định, có điểm bắt đầu và kết thúc. Tùy thuộc vào tính chất của từng quan hệ dân sự cụ thể mà khoảng thời gian này có thể dài hay ngắn, cũng có những trường hợp không áp dụng thời hiệu như yêu cầu hoàn trả tài sản thuộc hình thức sở hữu Nhà nước, yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân... Theo đó, có các loại thời hiệu như thời hiệu hưởng quyền dân sự, thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự, thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Thời hiệu là thời gian do luật quy định, mang tính chất bắt buộc phải tuân thủ. Trong quan hệ giao dịch dân sự, các chủ thể không thể tự thỏa thuận kéo dài hay rút ngắn thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu; bất cứ thỏa thuận nào của các bên về không áp dụng thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu đều không có giá trị pháp lý³. Vì vậy chủ thể có quyền phải chủ động yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm trong thời gian do pháp luật quy định. Hết thời hiệu khởi kiện chủ thể có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm sẽ mất quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật, không được pháp luật bảo vệ; bên có nghĩa vụ không bị cưỡng chế bắt buộc thực hiện nghĩa vụ. Các bên chỉ có thể thỏa thuận thực hiện khi bên có nghĩa vụ tự nguyện thực hiện và theo BLTTDS 2015 quy định: *“Các quy định của*

² Khoản 1 Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015

³ Nông Thanh Xuyên (2010), Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.8

Bộ luật dân sự về thời hiệu được áp dụng trong tố tụng dân sự”. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đã quy định hướng dẫn chiếu tới các quy định trong BLDS 2015.

Thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định tại Điều 149 BLDS 2015. Theo đó, thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định, các chủ thể tham gia vào quan hệ dân sự không thể thỏa thuận để kéo dài hoặc rút ngắn thời hạn này. Khi giải quyết các tranh chấp dân sự, Tòa án cần phải tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ để xác định sự thật khách quan nên nếu thời gian đã qua đi quá lâu, quá trình thu thập chứng cứ khó bảo đảm chứng xác. Do đó, thời hiệu trong tố tụng dân sự được hiểu như một thời hạn mà các bên tranh chấp có quyền nộp đơn khởi kiện vụ án ra tòa hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự, do đó khi hết thời hiệu khởi kiện thì tòa án không thụ lý để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

1.1.2 Đặc điểm của thời hiệu trong tố tụng dân sự

Theo pháp luật về tố tụng dân sự Việt Nam thì thời hạn để các cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự được gọi là thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, thời hiệu trong tố tụng dân sự có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu do pháp luật quy định

Khi các chủ thể có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm và thực hiện quyền khởi kiện, quyền yêu cầu của mình thì họ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu. Họ chỉ có thể thực hiện được quyền khởi kiện, quyền yêu cầu của mình khi còn thời hiệu. *“Thời hiệu khởi kiện được quy định trong văn bản pháp luật một cách cụ thể, trước khi tranh chấp xảy ra và các chủ thể không thỏa thuận về thời hiệu. Sự tồn tại của thời hiệu không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các bên. Thời hiệu*

khởi kiện không chỉ được quy định trong BLTTDS mà còn được quy định trong các văn bản pháp luật khác.”⁴

Thứ hai, thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu là cơ sở thực hiện quyền khởi kiện, quyền yêu cầu của các chủ thể và là điều kiện để Tòa án thụ lý vụ việc dân sự

Một trong những điều kiện để chủ thể thực hiện quyền khởi kiện, yêu cầu của mình là còn thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu. Khi không còn thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu thì dù thực tế các chủ thể có quyền lợi ích hợp pháp cần bảo vệ và có cung cấp chứng cứ, chứng minh cho mình thì Tòa án cũng không có cơ sở pháp lý để giải quyết yêu cầu của chủ thể đó. Khi tiếp nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu thì vấn đề đầu tiên mà Tòa án quan tâm xem xét đến là còn thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu hay không. Chỉ khi còn thời hiệu, thì đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của chủ thể mới được xét tới các tiêu chí khác và được chấp nhận.

Thứ ba, thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu mang tính định lượng và liên tục trừ các trường hợp do pháp luật quy định

Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu trước tiên là thời hạn, khi nói tới thời hạn tức là nói tới một khoảng thời gian xác định, có điểm bắt đầu và kết thúc. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu thông thường được tính bằng ngày, tháng, năm và được định lượng bằng con số cụ thể. Khoảng thời gian này phải là khoảng thời gian có tính liên tục từ khi bắt đầu tới khi kết thúc. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nếu xuất hiện sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chưa có người đại diện trong trường hợp khởi kiện,... do pháp luật quy định thì các sự kiện này không tính vào thời hiệu.

Thứ tư, thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu bắt đầu khi có tranh chấp hoặc vi phạm hoặc xuất hiện sự kiện pháp lý

⁴ Nông Thanh Xuyên (2010), *Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.17

Khi một bên chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự có vi phạm nghĩa vụ của mình thì chủ thể phải bên kia có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu mà chưa biết sự vi phạm đó có gây ra thiệt hại cho mình hay chưa. Có trường hợp ngay khi xảy ra một sự kiện pháp lý, các chủ thể có quyền, lợi ích liên quan đã có thể thực hiện quyền khởi kiện, quyền yêu cầu của mình và thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu được tính từ thời điểm sự kiện đó xảy ra.

1.1.3 Phân loại thời hiệu trong tố tụng dân sự

Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu là thời hạn do pháp luật quy định mà chủ thể được quyền khởi kiện, quyền yêu cầu để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; nếu thời hạn đó hết thì mất quyền khởi kiện, quyền yêu cầu trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Căn cứ vào Điều 184 BLTTDS 2015 quy định thời hiệu trong tố tụng dân sự bao gồm: thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự và thời hiệu yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự. Cụ thể:

Thứ nhất, thời hiệu khởi kiện

Theo Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện”*⁵. Kết thúc thời hạn đó mà chủ thể không thực hiện quyền khởi kiện thì bị mất quyền khởi kiện. Tuy nhiên, nếu các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu thì Tòa án tiếp tục công nhận quyền và nghĩa vụ của các bên.

Thứ hai, thời hiệu yêu cầu

Theo Bộ luật Dân sự 2015: *“Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, lợi ích quốc gia,*

⁵ Khoản Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015

dân tộc, lợi ích công cộng; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu”⁶.

Trong quan hệ dân sự, người có nghĩa vụ phải tự nguyện thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền. Người có quyền có thể yêu cầu Tòa án buộc người có nghĩa vụ thực hiện đúng nghĩa vụ của họ thông qua các biện pháp cưỡng chế phù hợp với quy định của BLTTDS 2015. Quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình chỉ được thực hiện trong thời hạn xác định khi các quyền này bị xâm phạm.

Như vậy, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là thời hiệu tố tụng, là phương thức để các chủ thể bảo vệ quyền dân sự của mình khi bị xâm phạm hoặc yêu cầu Tòa án công nhận và bảo vệ quyền dân sự.

1.1.4 Ý nghĩa của thời hiệu trong tố tụng dân sự

Việc quy định thời hiệu trong tố tụng dân sự có ý nghĩa rất lớn cả về mặt khoa học và thực tiễn. Cụ thể, ý nghĩa của thời hiệu khởi kiện như sau:

Thứ nhất, đối với giải quyết vụ việc dân sự

Nếu pháp luật không quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu thì số lượng đơn khởi kiện, đơn yêu cầu được gửi đến Tòa án là rất lớn. *“Khi đó Tòa án sẽ rơi vào tình trạng quá tải, không thể giải quyết được khối lượng công việc khổng lồ, những vụ án mà Tòa án tiếp nhận và giải quyết cũng có thể dẫn đến bế tắc do không thu thập được chứng cứ, không có điều kiện xác minh được những lý lẽ, bằng chứng do các bên cung cấp.”⁷*

Quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu sẽ giúp giảm tải được cho Tòa án những vụ việc đã xảy ra trước đó trong một khoảng thời gian dài và không còn ảnh hưởng nhiều đến các chủ thể tham gia. Khi đó, Tòa án có thời gian tập trung giải quyết những vụ án dân sự, kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

⁶ Khoản 4 Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015

⁷ Nguyễn Minh Oanh (2018), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về thời hạn và thời hiệu*, Tạp chí Luật học, tr.30

Thứ hai, đối với kinh tế xã hội

Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, các quan hệ xã hội ngày càng diễn ra đa dạng, giao lưu dân sự ngày càng được đẩy mạnh. Tỷ lệ thuận với nó là các tranh chấp dân sự không ngừng tăng lên. Khi có tranh chấp, vấn đề đặt ra là cách giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng để kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên và thúc đẩy giao lưu dân sự tiếp tục phát triển. Việc quy định thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu sẽ là động lực thúc đẩy các chủ thể đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ việc, tích cực trong việc thu thập và cung cấp chứng cứ chứng minh cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ ba, đối với chủ thể tham gia quan hệ dân sự

Việc quy định thời hiệu sẽ giúp các bên chủ động hơn, yên tâm hơn trong việc thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, việc quy định thời hiệu cũng giúp nâng cao trách nhiệm của chủ thể có quyền. Họ phải cố gắng để thực hiện quyền khởi kiện, quyền yêu cầu của mình trong một khoảng thời gian nhất định nếu không muốn mất quyền khởi kiện. Đối với chủ thể bị kiện, việc quy định thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu cũng tạo ra cho họ những thuận lợi trong việc đưa ra chứng cứ phản bác lại yêu cầu của người khởi kiện, người yêu cầu.

1.2. Pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự

1.2.1 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự

Căn cứ Khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015 về thời hiệu giải quyết vụ việc dân sự quy định:

“2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.”⁸

Theo đó, Tòa án chủ xem xét thời hiệu khi có yêu cầu của các bên, trường hợp không có yêu cầu áp dụng thời hiệu thì vụ án vẫn được giải quyết bình thường theo thủ tục chung. Và các vấn đề về thời hiệu trong tố tụng dân sự được xác định theo quy định của BLDS 2015. Sau khi thụ lý đơn, trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự thì việc áp dụng thời hiệu thực hiện tại điểm e Khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015:

“1. Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:..

e) Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết;”

1.2.1.1 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với các hợp đồng dân sự

Điều 429 BLDS 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Theo quy định tại Điều này, thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng là từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Việc xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu phải căn cứ vào thời điểm có hiệu lực của hợp đồng và thời điểm chấm dứt hợp đồng. Kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực thì bên có quyền lợi bị xâm phạm biết hoặc phải biết hành vi vi phạm các điều khoản của hợp đồng và thời điểm biết hoặc phải biết là ngày bên có nghĩa vụ phải thực hiện mà không thực hiện nghĩa vụ

⁸ Khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015

hoặc có thực hiện nhưng thực hiện không đúng nghĩa vụ hoặc gây thiệt hại. Trường hợp đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện, thực hiện không đúng không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu là ngày hợp đồng hết thời hạn thực hiện. Đây là cách tính được áp dụng rộng rãi từ trước tới nay trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, việc quy định thời hiệu khởi kiện được tính từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, tổ chức bị xâm phạm được quy định tại Điều 154 BLDS 2015:

“1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

Theo đó, ngay khi có hành vi vi phạm nghĩa vụ của một bên thì thời hiệu khởi kiện đã bắt đầu được tính mà không cần quan tâm đến việc bên có quyền có biết về sự vi phạm đó hay không, sự vi phạm đó đã gây ra hậu quả cho bên có quyền hay chưa, giữa các bên có quyền và bên vi phạm nghĩa vụ đã xảy ra tranh chấp hay chưa mà chỉ cần bên yêu cầu biết hoặc phải biết về quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Việc vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng dân sự có thể là vi phạm về thời hạn hợp đồng, cách thức thực hiện hợp đồng hoặc phương thức thanh toán... Trong hợp đồng dân sự, các bên tham gia có quyền thỏa thuận về các điều kiện đơn phương đình chỉ hợp đồng, cách thức thực hiện việc đơn phương đình chỉ hợp đồng. Nếu một bên đơn phương đình chỉ mà không tuân thủ theo các điều kiện và cách thức thực hiện việc đơn phương thì cũng được coi là vi phạm nghĩa vụ.

Hợp đồng dân sự là giao dịch dân sự có những đặc thù riêng biệt, nó là sự thỏa thuận giữa các chủ thể phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các chủ thể nên các thỏa thuận này có thể dễ dàng bị thay đổi, việc các chủ thể gia hạn hợp đồng, thỏa thuận kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trong hợp

đồng là điều thường xuyên xảy ra. “*Khi có những thay đổi ấy thì thời hiệu khởi kiện cũng sẽ bị thay đổi theo chiều hướng là được bắt đầu lại. Do đó, có thể nói thời hiệu khởi kiện vụ án về hợp đồng dân sự là loại thời hiệu khởi kiện thường hay được bắt đầu lại*”⁹. Ngoài ra, thời hiệu khởi kiện đối với vụ án về hợp đồng dân sự còn có thể được bắt đầu lại khi bên có nghĩa vụ thực hiện một phần nghĩa vụ với bên có quyền hoặc bên có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ của mình với bên có quyền.

1.2.1.2 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là vấn đề khá phức tạp bởi lẽ nó thường là mối quan hệ giữa những người mà trước đó họ chưa từng xác lập quan hệ dân sự với nhau, sự việc xảy ra bất ngờ và không chỉ gây thiệt hại về tài sản mà còn có thể là về sức khỏe, tính mạng. Do những đặc thù đó nên việc giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thường gặp phải nhiều khó khăn và phức tạp. Để góp phần giảm bớt tính phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tư pháp trong quá trình giải quyết vụ việc đồng thời bảo vệ quyền lợi của các chủ thể kịp thời, pháp luật đã quy định thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 588 BLDS 2015 quy định:

“Điều 588. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại

Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.”

Thời hiệu yêu cầu bồi thường thiệt hại là thời hạn do pháp luật quy định mà trong thời hạn đó, người bị thiệt hại có quyền khởi kiện yêu cầu người gây

⁹ Dương Tác Thành (2018), *Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự*, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/xet-xu/thoi-hieu-khoi-kiem-vu-an-dan-su>, truy cập ngày 10/05/2022

thiệt hại phải bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Theo Điều 588 quy định “*kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết*” đã giúp quá trình giải quyết được phù hợp, cụ thể:

Một là, đảm bảo quyền khởi kiện của người có quyền yêu cầu (chứ không phải người bị thiệt hại) trong trường hợp người bị thiệt hại không có điều kiện khởi kiện thời gian dài hoặc vĩnh viễn (do thiệt hại bị thương tích quá nặng, không có khả năng nhận thức hành vi) để giải quyết các khó khăn về kinh tế, phục vụ chi phí cứu chữa cho người gây thiệt hại;

Hai là, đảm bảo quyền khởi kiện của người có quyền yêu cầu trong trường hợp họ biết được hoặc phải biết thiệt hại xảy ra sau thời điểm thiệt hại thực tế đã xảy ra, khoảng thời gian từ thời điểm quyền và lợi ích bị xâm phạm đến thời điểm người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích bị xâm phạm không tính vào thời hiệu khởi kiện.

Như vậy, “*thời hiệu khởi kiện sẽ được tính kể từ ngày có hành vi xâm phạm mà không quan tâm có thiệt hại xảy ra hay không, có tranh chấp giữa các bên hay không. Quy định này của pháp luật Việt Nam là hoàn toàn hợp lý*”¹⁰ bởi lẽ, khi một chủ thể nào đó có hành vi xâm phạm đến tài sản, sức khỏe, tính mạng của mình hoặc của người mà mình đại diện thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi. Hơn nữa, khi có sự can thiệp của cơ quan có thẩm quyền thì thiệt hại mới có thể được xác định một cách rõ ràng, cụ thể mới có thể khẳng định lỗi thuộc về bên nào, từ đó đưa ra phán quyết, quyết định có sự bồi thường hay không.

¹⁰ Nguyễn Thị Minh Phượng (2021), *Thời hiệu khởi kiện và thực tiễn áp dụng pháp luật đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo yêu cầu áp dụng thời hiệu*, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/thoi-hieu-khoi-kiem-va-thuc-tien-ap-dung-phap-luat-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su-theo-yeu-cau-ap-dung-thoi-hieu>, truy cập ngày 10/05/2022

Về vấn đề kết thúc thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại cũng giống như kết thúc thời hiệu khởi kiện của các vụ án dân sự khác, nó phụ thuộc vào cách xác định bắt đầu thời hiệu. Tuy nhiên, kết thúc thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại cũng mang những nét đặc thù. Do tính chất của quan hệ là có sự thiệt hại về sức khỏe, tính mạng xảy ra nên để có khoảng thời gian không tính vào thời hiệu đó là khoảng thời gian chủ thể có quyền không thể thực hiện quyền khởi kiện do sức khỏe bị xâm phạm. Nên thời hiệu khởi kiện thường kết thúc muộn hơn dự kiến. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về mức tối đa đối với khoảng thời gian không tính vào thời hiệu vì vậy có thể hiểu bất kể sự việc gây ra gián đoạn xảy ra trong thời gian bao lâu thì chỉ cần chủ thể có quyền khởi kiện chứng minh được về khoảng thời gian xảy ra các sự kiện ấy là được.

1.2.1.3 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong quan hệ thừa kế

Quan hệ pháp luật về thừa kế là quan hệ pháp luật dân sự rất đặc thù vì nó liên quan đến tài sản của chủ thể không còn tồn tại. Theo quy định tại Điều 623 BLDS 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện thừa kế như sau:

“1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản được giải quyết như sau:

a) Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này;

b) Di sản thuộc về Nhà nước, nếu không có người chiếm hữu quy định tại điểm a khoản này.

2. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

3. Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.”

Sau khi mở thừa kế, những người có thể thỏa thuận chia di sản thừa kế hoặc thỏa thuận thực hiện các nghĩa vụ tài sản của người để lại thừa kế. Trường hợp có tranh chấp về di sản, người thừa kế có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đó. Tuy nhiên, thời hạn yêu cầu Tòa án chia di sản do pháp luật quy định. Trong thời hạn đó, nếu những người thừa kế không thỏa thuận được việc chia di sản thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Hết thời hạn do pháp luật quy định mà những người thừa kế không yêu cầu chia di sản thì di sản sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Điều 623, thời hiệu yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản và 10 năm đối với động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Trong thời hạn đó, những người thừa kế có quyền thỏa thuận chia di sản hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản. Trường hợp hết thời hạn theo quy định mà những người thừa kế không yêu cầu chia di sản, thì di sản sẽ thuộc quyền sở hữu của người thừa kế đang quản lý di sản đó theo Điều 616 BLDS 2015:

“Điều 616. Người quản lý di sản

1. Người quản lý di sản là người được chỉ định trong di chúc hoặc do những người thừa kế thỏa thuận cử ra.

2. Trường hợp di chúc không chỉ định người quản lý di sản và những người thừa kế chưa cử được người quản lý di sản thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản tiếp tục quản lý di sản đó cho đến khi những người thừa kế cử được người quản lý di sản.

3. Trường hợp chưa xác định được người thừa kế và di sản chưa có người quản lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì di sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý.”

Như vậy, liên quan đến vấn đề thừa kế có hai loại thời hiệu là thời hiệu khởi kiện tranh chấp về quyền thừa kế và thời hiệu tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

1.2.1.4 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong một số trường hợp khác

Thứ nhất, theo Luật Thương mại 2005 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 237 Luật này”*¹¹. Thời hiệu này không áp dụng đối với tranh chấp về dịch vụ logistics. Giống như đa phần thời hiệu khởi kiện các tranh chấp khác, thời hiệu khởi kiện tranh chấp thương mại được bắt đầu từ thời điểm quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Như vậy, không nhất thiết phải chờ tới khi thiệt hại thực tế xảy ra mà chỉ cần có hành vi vi phạm nghĩa vụ của một bên thì có thể coi là quyền, lợi ích của bên kia bị xâm phạm và họ có quyền khởi kiện. Các xác định bắt đầu thời hiệu này phù hợp với nguyên tắc chung về xác định thời hiệu khởi kiện nhưng do chưa có hướng dẫn cụ thể nên gây ra những khó khăn và sai sót nhất định trong công tác giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án.

Thứ hai, thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định như sau: *“Trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác, thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm”*¹². Pháp luật trọng tài luôn đặt thời hiệu cho việc yêu cầu giải quyết tranh chấp, tức áp đặt một khoảng thời gian nhất định để các bên được đưa tranh chấp ra giải quyết tại trọng tài. Theo Luật Trọng tài Thương mại 2010, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác, thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng

¹¹ Điều 319 Luật Thương mại 2005

¹² Điều 33 Luật Trọng tài thương mại 2010

tài là 2 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Về hệ quả của hết thời hiệu, pháp luật về trọng tài không có quy định chung nhưng Bộ luật dân sự 2015 đã theo hướng là các bên mất quyền khởi kiện: “nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện”.

Thứ ba, thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải được hướng dẫn tại Điều 336 Bộ luật Hàng Hải 2015 như sau: *“Thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là 02 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp”* và tại Điều 214 Bộ luật này về thời hiệu đòi bồi thường tổn thất *“Thời hiệu khởi kiện đòi bồi thường tổn thất do hành khách chết, bị thương hoặc tổn hại khác về sức khỏe và mất mát, hư hỏng hành lý là 02 năm”*.

Như vậy, trong giải quyết các tranh chấp thương mại tại Tòa án thì việc xem xét thời hiệu là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình hình thành đường lối giải quyết vụ việc của các Thẩm phán Tòa án.

1.2.2 Quy định pháp luật về thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự

Theo quy định tại Điều 116 BLDS 2015 quy định: *“Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”*. Giao dịch dân sự là một sự kiện pháp lý, bao gồm hành vi pháp lý đơn phương hoặc đa phương (hợp đồng) làm phát sinh hậu quả pháp lý. Tùy theo từng giao dịch cụ thể mà giao dịch đó làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. *“Hậu quả của việc xác lập giao dịch dân sự là làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự”*¹³. Khi tham gia vào một giao dịch dân sự, mỗi chủ thể đều nhằm đạt được những mục

¹³ Hoàng Sơn (2022), Sở Tư pháp Bình Thuận, *Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện*, <https://stp.binhthuan.gov.vn/1327/32856/65786/616274/tim-hieu-phap-luat/hau-qua-phap-ly-cua-giao-dich-dan-su-do-nguoi-khong-co-quyen-dai-dien-xac-lap-thuc-hien.aspx>, truy cập ngày 15/5/2022

đích nhất định nhưng mục đích ấy chỉ đạt được, quyền, nghĩa vụ của các bên chỉ phát sinh khi giao dịch dân sự có hiệu lực.

Theo Điều 117 BLDS 2015 quy định điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực bao gồm:

“1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;*
- b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;*
- c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.”*

Như vậy, một giao dịch có hiệu lực khi và chỉ khi nó thỏa mãn được đồng thời ba điều kiện trên. Nếu giao dịch vi phạm một trong ba điều kiện có hiệu lực trên thì sẽ trở thành vô hiệu. Tại Điều 122 BLDS 2015 quy định giao dịch dân sự vô hiệu là *“giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 117 của Bộ luật này thì vô hiệu, trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác”¹⁴*, giao dịch dân sự vô hiệu sẽ không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia. Một giao dịch dân sự hợp pháp khi đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 117 BLDS 2015, cụ thể là ba điều kiện bắt buộc về chủ thể, nội dung, mục đích của giao dịch. Tuy nhiên, điều kiện về hình thức của giao dịch là điều kiện bắt buộc có hiệu lực của giao dịch, nếu pháp luật có quy định. Trừ trường hợp có quy định khác trong Bộ luật này thì giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện có hiệu lực trên thì được coi là vô hiệu. Giao dịch dân sự có thể mặc nhiên bị coi là vô hiệu hoặc bị Tòa án tuyên bố vô hiệu theo yêu cầu của chủ thể có quyền, lợi ích liên quan.

¹⁴ Điều 122 Bộ luật Dân sự 2015

Giao dịch dân sự mặc nhiên bị coi là vô hiệu được gọi là giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối. Giao dịch dân sự bị Tòa án tuyên bố vô hiệu theo yêu cầu của chủ thể có quyền, lợi ích liên quan được gọi là giao dịch dân sự vô hiệu tương đối, với loại giao dịch dân sự này nếu các chủ thể có quyền, lợi ích liên quan không yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu thì giao dịch đó vẫn có hiệu lực. Theo đó, Điều 132 BLDS 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu:

“Điều 132. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu

1. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu quy định tại các Điều 125, 126, 127, 128 và 129 của Bộ luật này là 02 năm, kể từ ngày:

- a) Người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự biết hoặc phải biết người được đại diện tự mình xác lập, thực hiện giao dịch;*
- b) Người bị nhầm lẫn, bị lừa dối biết hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, do bị lừa dối;*
- c) Người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép;*
- d) Người không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình xác lập giao dịch;*
- đ) Giao dịch dân sự được xác lập trong trường hợp giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức.*

2. Hết thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này mà không có yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu thì giao dịch dân sự có hiệu lực.

3. Đối với giao dịch dân sự quy định tại Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật này thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế.”

Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu đối với các giao dịch do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện (Điều 125); giao dịch dân sự do nhầm lẫn (Điều 126); giao dịch dân sự do bị lừa dối, đe dọa (Điều 127); giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức (Điều 129) là 02 năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là không hạn chế đối với các giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; giao dịch dân sự giả tạo. Thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu được bắt đầu tính từ các thời điểm sau: (i) người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự biết hoặc phải biết người được đại diện mình xác lập, thực hiện giao dịch; (ii) người bị nhầm lẫn, bị lừa dối biết hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, do bị lừa dối; người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép; (iii) người không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình xác lập giao dịch; (iv) giao dịch dân sự được xác lập trong trường hợp giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức.

Như vậy, thời hiệu được bắt đầu tính “từ ngày giao dịch được xác lập”. *“Một bộ phận lớn của giao dịch dân sự là hợp đồng, loại giao dịch này có thể được xác lập bằng các hình thức khác nhau như văn bản, lời nói, hành vi. Có thể thấy, trong ba hình thức thì hình thức bằng văn bản có giá trị pháp lý cao hơn cả và dễ dàng hơn”*¹⁵, ngày xác lập giao dịch thường sẽ được ghi nhận ngay trong hợp đồng. Đối với những giao dịch được xác lập bằng những hành vi thì thường là những giao dịch nhỏ, diễn ra trong thời gian ngắn bởi vậy cũng thường ít xảy ra tranh chấp hơn, ít bị yêu cầu tuyên bố vô hiệu hơn.

¹⁵ Nguyễn Minh Tuấn (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Tư pháp, tr.342

Theo quy định tại Điều 132 BLDS 2015 thì trong thời gian 02 năm kể từ khi giao dịch được xác lập, các chủ thể có quyền, lợi ích liên quan có thể yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu khi giao dịch được xác lập do bị lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn,.. Hết 02 năm các chủ thể sẽ mất quyền yêu cầu và đương nhiên giao dịch dân sự được coi là có hiệu lực. Đối với những giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối – giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội, giao dịch do giả tạo thì thời hiệu yêu cầu tuyên bố vô hiệu là không hạn chế. Tuy pháp luật không quy định về thời gian bắt đầu thời hiệu yêu cầu đối với loại giao dịch dân sự này nhưng cũng có thể hiểu, ngay sau khi giao dịch được xác lập nếu phát hiện có sự vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì giao dịch dân sự đó mặc nhiên vô hiệu. Khi các chủ thể có quyền, lợi ích liên quan phát hiện ra giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì có quyền viện dẫn lý do giao dịch dân sự vô hiệu để không thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh mà không cần có sự tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu của Tòa án.

1.2.3 Quy định ngoại lệ về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự

1.2.3.1 Quy định pháp luật về bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự

Theo BLDS 2015 quy định về bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện:

“Điều 157. Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây:

- a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;*
- b) Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;*
- c) Các bên đã tự hòa giải với nhau.*

2. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này.”

Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của các bên trong quan hệ dân sự. Do đó, về nguyên tắc, thời hiệu khởi kiện cho có thể được bắt đầu lại khi có sự thỏa thuận của các bên chủ thể. Sự thỏa thuận này có thể được thể hiện dưới các hình thức như bên có nghĩa vụ thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình; bên có nghĩa vụ thực hiện xong một phần nghĩa vụ hoặc các bên đã tự hòa giải với nhau. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự sẽ bắt đầu lại từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện nêu trên. Khi xảy ra các hành vi thừa nhận nghĩa vụ, thực hiện nghĩa vụ hay hòa giải của các bên, thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại vì các hành vi đó có thể coi là hành vi tiếp theo, hành vi làm mới quan hệ dân sự đã được các bên lập trước đó. Tức là khoảng thời gian có sự vi phạm nghĩa vụ, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên có quyền đã được bỏ qua, các bên đã xác lập với nhau một thỏa thuận mới. Trong quan hệ dân sự, những thỏa thuận không trái với pháp luật, đạo đức xã hội của các bên được tôn trọng và có hiệu lực.

Căn cứ theo BLDS 2015, thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại khi có các điều kiện sau:

Thứ nhất, bên có quyền đã khởi kiện trong thời hiệu quy định và tòa án đã thụ lý vụ án;

Thứ hai, có một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 157 BLDS 2015.

Thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 157 BLDS 2015. Quy định này đã góp phần bảo đảm quyền lợi chính đáng của nguyên đơn trong trường hợp thời hiệu khởi kiện đã hết.

Trong trường hợp khởi kiện trong các quan hệ thừa kế, theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 BLDS 2015 thì thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện là “thời điểm mở thừa kế”. Tại Khoản 1 Điều 611 BLDS 2015 quy định *“Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này”*¹⁶. Tại Tiểu mục 1 Mục II Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/07/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự hướng dẫn: *“...Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, Tòa án áp dụng quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu đối với trường hợp thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/01/2017....”*. Theo đó, pháp luật quy định thời hiệu này bắt đầu từ thời điểm mở thừa kế tức thời điểm người có nghĩa vụ chết. Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm. Túc sau 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế nếu các đồng thừa kế không khởi kiện yêu cầu chia di sản thì sẽ mất quyền khởi kiện.

1.2.3.2 Quy định pháp luật về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự

Thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà những người liên quan không được thỏa thuận rút ngắn hoặc kéo dài, thời hiệu được xác định từ ngày đầu đến ngày cuối của thời hạn. Theo Điều 156 BLDS 2015 quy định như sau:

“Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là khoảng thời gian xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

¹⁶ Khoản 1 Điều 611 Bộ luật Dân sự 2015

1. Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình;

2. Chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện, người có quyền yêu cầu là người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

3. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chưa có người đại diện khác thay thế trong trường hợp sau đây:

a) Người đại diện chết nếu là cá nhân, chấm dứt tồn tại nếu là pháp nhân;

b) Người đại diện vì lý do chính đáng mà không thể tiếp tục đại diện được.”

Tuy nhiên, thực tiễn có nhiều trường hợp do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan mà cá nhân, pháp nhân không thể thực hiện quyền khởi kiện, quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự. Vì vậy pháp luật quy định một số trường hợp thời gian không tính vào thời hiệu, cụ thể: sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan xảy ra làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu; chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện, yêu cầu là người

chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc những người này chưa có người đại diện thay thế trong các trường hợp pháp luật quy định¹⁷. Theo quy định tại Điều 156 BLDS năm 2015 thì khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan sẽ không được tính vào thời hiệu khởi kiện. Đồng thời, cũng theo quy định này thì sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép; đồng thời, trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền hoặc nghĩa vụ dân sự của mình.

1.2.3.3 Quy định pháp luật về trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự

Theo quy định tại Điều 155 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự không áp dụng trong trường hợp sau đây:

“Điều 155. Không áp dụng thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp sau đây:

- 1. Yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản.*
- 2. Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.*
- 3. Tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.*
- 4. Trường hợp khác do luật quy định.”*

Quyền nhân thân gắn với cá nhân suốt đời, không chuyển dịch cho người khác. Khi quyền nhân thân bị xâm phạm thì người bị vi phạm có quyền

¹⁷ Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015

yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cảnh chính công khai, bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần. Tuy nhiên, nếu người vi phạm không khắc phục hậu quả thì người bị vi phạm có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền nhân thân hoặc khởi kiện. Quyền khởi kiện này không áp dụng thời hiệu.

Về nguyên tắc, quyền sở hữu tài sản của cá nhân và pháp nhân là quyền tuyệt đối. Không ai có thể tước quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cho nên nếu quyền sở hữu bị xâm phạm như trộm cắp, lừa đảo, chiếm hữu bất hợp pháp,... thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, nếu tài sản bị trộm cắp,... được chuyển cho người thứ ba ngay tình theo quy định tại Điều 133 BLDS 2015, thì người thứ ba ngay tình được xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu quy định tại Điều 236 BLDS 2015:

“Điều 236. Xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật

Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.”

Trường hợp này, chủ sở hữu không được đòi lại tài sản từ người ngay tình.

Quyền sử dụng đất là tài sản thuộc quyền sở hữu của người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai 2013. Bên cạnh đó, các trường hợp khác do pháp luật quy định sẽ được quy định trong luật chuyên ngành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Những vấn đề lý luận pháp luật cơ bản về thời hiệu vụ án dân sự cho thấy thời hiệu khởi kiện là cơ sở quan trọng trong việc Tòa án có thụ lý đơn khởi kiện các tranh chấp phát sinh hay không. Đồng thời, là công cụ pháp lý để chủ thể có quyền lợi ích bị xâm phạm thực hiện quyền của mình trong thời gian nhất định nhằm đưa các tranh chấp phát sinh được giải quyết nhanh chóng tại Tòa án có thẩm quyền. Việc tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của thời hiệu khởi kiện là cơ sở cho việc nghiên cứu các vấn đề pháp luật liên quan đến thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỜI HIỆU TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

2.1 Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tổ tụng dân sự

2.1.1 Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với các hợp đồng dân sự

Để Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do hết thời hiệu khởi kiện thì ngoài việc căn cứ vào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của một trong các bên đương sự, đòi hỏi Thẩm phán phải xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, từ đó lựa chọn văn bản pháp luật quy định về thời hiệu khởi kiện tương ứng để áp dụng thời hiệu phù hợp; đồng thời, phải căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp để làm rõ lý do tại sao trong khoảng thời gian pháp luật cho phép, người có quyền khởi kiện nhưng không thực hiện quyền khởi kiện? *“Vụ án có thuộc trường hợp thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015 không? hay thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015? Hoặc thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015?”*¹⁸. Đồng thời, xác định hợp đồng có vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự dẫn đến bị vô hiệu theo quy định tại các điều 123, 124, 125, 126, 127, 128 và Điều 129 của BLDS 2015 không để có căn cứ giải quyết vụ án được chính xác.

Một trong điều kiện để áp dụng thời hiệu theo Điều 429 BLDS 2015 *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi*

¹⁸ Nguyễn Thị Minh Phượng (2021), *Thời hiệu khởi kiện và thực tiễn áp dụng pháp luật đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo yêu cầu áp dụng thời hiệu*, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/thoi-hieu-khoi-kien-va-thuc-tien-ap-dung-phap-luat-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su-theo-yeu-cau-ap-dung-thoi-hieu>, truy cập ngày 10/05/2022

ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”, tức là hợp đồng phải có hiệu lực, kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực thì bên có quyền lợi bị xâm phạm biết hoặc phải biết hành vi vi phạm điều khoản của hợp đồng, tuy nhiên liên hệ với hợp đồng có điều kiện thì việc xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng có điều kiện còn có thể phụ thuộc vào thoả thuận về điều kiện phát sinh nên dẫn đến sẽ khó khăn khi xác định thời hiệu khởi kiện đối với loại hợp đồng này. Vì vậy, cần quy định rõ hơn đối với hiệu lực của giao dịch có điều kiện nói chung và hợp đồng có điều kiện nói riêng. Trên cơ sở có quy định rõ, xác định rõ hợp đồng có hiệu lực, từ đó áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng để giải quyết tranh chấp.

Bên cạnh đó, quy định “*người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”¹⁹ có thể là thời điểm bên có nghĩa vụ phải thực hiện mà không thực hiện nghĩa vụ; hoặc có thực hiện nhưng thực hiện không đúng nghĩa vụ hoặc gây thiệt hại. Trường hợp đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu có thể là ngày hợp đồng hết thời hạn thực hiện, hoặc có thể không phụ thuộc vào thời điểm kết thúc hợp đồng mà được diễn ra sau thời điểm đó, bởi lúc đó, có thể bên có quyền yêu cầu mới biết được được lợi ích của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, trong những trường hợp như vậy, việc chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của bên có quyền yêu cầu bị xâm phạm là rất khó khăn do yếu tố thời gian cũng như xác định trách nhiệm lỗi của bên vi phạm khi hợp đồng đã chấm dứt. Vì vậy, cần bổ sung thêm quy định hướng dẫn liên quan đến việc xác định thời điểm này.

¹⁹ Điều 154 Bộ luật Dân sự 2015

2.1.2 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Thứ nhất, Theo quy định tại Điều 588 BLDS 2015: *“Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*²⁰. Nếu trong trường hợp hành vi xâm phạm và sự thiệt hại xảy ra cùng một thời điểm thì thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện đối với việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 588 là phù hợp. Tuy nhiên, thực tiễn đã chứng minh quy định của BLDS 2015 về cách tính thời hiệu khởi kiện này không thể bao quát và phù hợp đối với nhiều yêu cầu bồi thường thiệt hại khác, đặc biệt là bồi thường thiệt hại liên quan đến môi trường, tính mạng, sức khỏe hay như tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tinh thần do bạo lực gia đình. Ngoài ra, *“trong một số trường hợp như ô nhiễm môi trường thì các hành vi vi phạm pháp luật thường kéo dài, khó phát hiện và phải mất một thời gian khá dài để thực hiện khiếu kiện tại các cấp chính quyền trước khi khởi kiện ra Tòa án. Trong khi thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp này chỉ là 03 năm nên đã tiềm ẩn nguy cơ quyền khởi kiện ra Tòa án của người dân sẽ không thực hiện do hết thời hiệu khởi kiện”*²¹. Cùng với đó, để xác định nguyên nhân, mức độ và phạm vi vi phạm và thiệt hại thì pháp luật quy định cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiến hành điều tra và công khai kết quả điều tra về nguyên nhân, mức độ và phạm vi vi phạm và thiệt hại. Mặc khác, các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường thì không gây ảnh hưởng ngay lập tức lên sức khỏe của con người mà có thể sau nhiều năm thì người

²⁰ Điều 588 Bộ luật Dân sự 2015

²¹ Phạm Nguyệt Hằng, *Những lưu ý khi áp dụng thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật dân sự năm 2015*, Bộ Tư pháp hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp, <https://moj.gov.vn/qt/cacchuyenmuc/pldn/Pages/pho-bien-pl-doanh-nghiep.aspx?ItemID=20>, truy cập ngày 11/05/2022

bị xâm phạm mới có thể bị những tác động từ hành vi vi phạm đó lên sức khỏe của họ.

Thứ hai, thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng không phù hợp về hành vi vi phạm môi trường gây ra thì quy định tại Điều 588 BLDS 2015 cũng chưa phù hợp với các khởi kiện bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng do không xác định được người có hành vi đó hoặc xác định được nhưng thời điểm xác định đã quá 03 năm kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm. Đồng thời, đối với trường hợp người bị thiệt hại do sốc nặng về tinh thần hoặc sang chấn tâm lý do bị ngược đãi về thể chất và tâm thần thì thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện theo Điều 588 Bộ luật này cũng chưa phù hợp. Bởi lẽ, người bị ngược đãi có thể bị các bệnh về tâm thần sau một thời gian dài sau khi hành vi ngược đãi đã chấm dứt và phát hiện bệnh mãi sau đó, khi đó thì người khởi kiện tiến hành khởi kiện để yêu cầu bồi thường thì có thể đã quá thời hạn mà pháp luật quy định.

Thứ ba, Đối với các tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cũng còn nhiều quan điểm khác nhau về thời hiệu khởi kiện, nhất là ngày xảy ra hành vi vi phạm gây thiệt hại cần được xác định như thế nào cho đúng và thống nhất. Theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.2 Mục IV, Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn Nghị quyết 103/2015/QH13 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm được xác định là ngày xảy ra hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số vướng mắc về xác định thời hiệu khởi kiện khi Toà án thụ lý vụ án dân sự có quan hệ đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm hay tính từ thời điểm có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đang giải quyết.

Trong vụ án hình sự liên quan đến quyền nhân thân và quyền tài sản, cơ quan tiến hành tố tụng đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Người bị thiệt hại khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (bồi thường về sức khỏe, tài sản) thì thời hiệu khởi kiện tính như thế nào? Tính từ khi quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân bị xâm phạm hay từ khi có quyết định không khởi tố vụ án hình sự? hoặc từ khi có quyết định tách vụ án, hoặc từ thời điểm bản án hình sự có hiệu lực pháp luật?

Theo đó, các quy định này cần được quy định cụ thể, chi tiết để tránh quá trình áp dụng gây lúng túng cho Tòa án.

2.1.3 Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong quan hệ thừa kế

Theo Điều 623 BLDS 2015 quy định:

“1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời hiệu mở thừa kế. hết thời hạn này thì di sản thuộc về người đang quản lý di sản đó. Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản được giải quyết như sau:

a) Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này;

b) Di sản thuộc về Nhà nước, nếu không có người chiếm hữu quy định tại điểm a khoản này.

Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

*3. Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 3 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”.*²²

²² Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế và thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 3 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. *“Tại Khoản 2 Điều 623 quy định chưa thống nhất với Khoản 1 bởi lẽ tại khoản 1 quy định thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, đối với động sản là 10 năm”*²³. Tuy nhiên, khoản 2 Điều này quy định về thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy, sau 10 năm thì những quyền này của người thừa kế không còn nữa kể cả di sản bất động sản. Vậy nếu một người con ngoài giá thú sau 20 năm kể từ thời điểm mở thừa kế mới yêu cầu Tòa án xác nhận quyền thừa kế của mình đối với bất động sản của cha đẻ thì họ mất quyền yêu cầu mặc dù thời hiệu thừa kế chưa hết. Sự thiếu thống nhất trong quy định tại Khoản 1, 2 Điều 623 như đã nêu trên có lẽ là vấn đề thuộc về kỹ thuật, bởi vì Khoản 1 Điều 623 quy định về thời hiệu theo hướng phù hợp với Điều 623, tuy nhiên, Khoản 2 và 3 Điều 623 được lấy như nguyên văn Điều 645 BLDS 2005 là chưa phù hợp.

Bên cạnh đó, trong trường hợp vụ án chia di sản thừa kế đã hết thời hiệu khởi kiện, nếu trong quá trình thụ lý giải quyết, không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015 thì *“Tòa án có áp dụng thời hiệu chia thừa kế quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 để đình chỉ việc giải quyết vụ án hay không? Nếu không áp dụng thời hiệu thì Tòa án có chia thừa kế không?”*²⁴. Hiện nay vẫn chưa có Nghị quyết hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

²³ Nguyễn Minh Tuấn (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Tư pháp, tr.913

²⁴ Võ Thị Minh Phương (2021), *Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Thời hiệu và một số bất cập về áp dụng thời hiệu*, <https://toaanduyxuyen.gov.vn/thoi-hieu-va-mot-so-bat-cap-ve-ap-dung-thoi-hieu.html>, truy cập ngày 10/05/2022

về vấn đề này nên thực tiễn giải quyết các vụ án chia di sản thừa kế chưa thống nhất.

Ngoài ra, hiện nay BLTTDS 2015 không quy định trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, nếu xét thấy vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện thì trong quá trình hòa giải, Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải có giải thích quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu để bị đơn được biết và thực hiện quyền này hay không? Nếu giải thích quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu mà việc bị đơn yêu cầu áp dụng sẽ gây thiệt hại cho nguyên đơn thì có vi phạm thủ tục tố tụng hay không? Hơn nữa Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS 2015 cũng không quy định các đương sự có quyền được quyền giải thích về thời hiệu khởi kiện và hậu quả của việc áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Như vậy, các quy định về thời hiệu khởi kiện về quan hệ thừa kế vẫn chưa được quy định cụ thể chi tiết tại các văn bản hướng dẫn thi hành, khiến cho quá trình áp dụng phức tạp từ phía Tòa án và người thực hiện gặp nhiều khó khăn.

Trong trường hợp như sau: Cụ Cao Ngọc C qua đời năm 1982, cụ Dương Thị Ch qua đời năm 2008, hai cụ khi qua đời không có di chúc, hai cụ có 7 người con, di sản là một thửa đất có diện tích 2.130m², trong đó có 200m² đất ở, còn lại là vườn, trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích 50m², trong vụ án trên bà Cao Thị B là nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế, ông Cao M Kh là bị đơn không đồng ý yêu cầu chia di sản, vì đã hết thời hạn 30 năm đối với nhà, đất, tính từ lúc cụ Cao Ngọc C qua đời 1982 tới ngày khởi kiện ngày 5/8/2019 đã là 37 năm. Như vậy, đối chiếu về mặt pháp luật tại Điều

623 BLDS 2015, thời hiệu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm của cụ Cao Ngọc C đã hết, thời hiệu chia sản của cụ Dương Thị Ch vẫn còn²⁵.

Tuy nhiên, quan điểm của TAND tỉnh Quảng Bình lại không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, tại phần nhận định của Tòa án trong Bản án, mục 1.2 về thời hiệu khởi kiện Tòa án cho rằng: *“Tại giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Toà án nhân dân tối cao đã hướng dẫn: “Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị Quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990”. Tại Án lệ số 26/AL/2018 ghi rõ: đối với những trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì từ thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản tính từ ngày 10/9/1990. Cụ Cao Ngọc C qua đời vào năm 1982 không để lại di chúc, do đó thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990. Bà B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản cụ C ngày 5/8/2019 nên còn thời hiệu khởi kiện. Cụ Dương Thị Ch mất năm 2008 không để lại di chúc. Tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Bà Cao Thị B khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch vào ngày 05/8/2019 còn trong thời hiệu khởi kiện.”*

²⁵ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (2020), “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất*”, Bản án số 28/2020/DS-ST, ngày 14/12/2020

Qua phân phân tích của Tòa án, đối với phần di sản của cụ Cao Ngọc C, cụ qua đời 1982, tính tới lúc khởi kiện là 37 năm, Tòa án đã vận dụng pháp luật như sau:

Thứ nhất, căn cứ tính thời điểm bắt đầu thời hiệu thừa kế Tòa án không căn cứ vào năm 1982, năm mất của cụ Cao Ngọc C, mà Tòa án lấy thời điểm bắt đầu thời hiệu thừa kế là ngày 10/9/1990. Tòa vận dụng sự tương tự của vụ án đang giải quyết, để áp dụng Án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản đã được Hội đồng Thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án TANDTC, cùng với khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế và hướng dẫn tại phần số 10 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Theo Án lệ, người để lại di sản thừa kế là bất động sản chết trước ngày công bố Pháp lệnh Thừa kế ngày 30-8-1990. Trường hợp này, phải xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là ngày công bố Pháp lệnh Thừa kế ngày 30-8-1990, ngày công bố pháp lệnh là ngày 10/9/1990.

Thứ hai, do di sản là bất động sản cho nên thời hạn là 30 năm, căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015 “*Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này*”, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC “*Từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và luật khác có liên quan về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động*”, đồng thời Án lệ 26 phần Giải pháp pháp lý “*Thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*”. Qua sự kết hợp trên thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ Cao Ngọc C trên thực tế rất dài,

thời điểm bắt đầu là 10/9/1990, thời hiệu hết vào năm 2020, và như vậy nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 5/8/2019 là còn thời hiệu.

Tuy nhiên, cũng tại giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ, số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của TANDTC có thêm phần hướng dẫn như sau: *Khi xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01-7-1991 và di sản là nhà ở thì thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-01-1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế không có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia (nghị quyết 58/1998/NQ-UBTHVQH, ngày 20/8/1998); thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-9-2006 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia (nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTHVQH, ngày 27/7/2006).* Trong vụ việc trên ta thấy có phần di sản là quyền sử dụng đất, có phần di sản là nhà ở cấp 4, đối với phần di sản là nhà ở thì thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/01/1999, tức là cộng thêm 2 năm 6 tháng không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế không có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia. Đối với phần này Tòa án không đề cập tới, và nếu làm rõ phần di sản này thực tế thời hiệu di sản có thể dài thêm nữa.

Qua phân tích về thời hiệu thừa kế như trên, nếu như thời điểm mở thừa kế diễn ra ở thời điểm BLDS 2015 có hiệu lực thì việc xác định thời hiệu không khó khăn, tuy nhiên nếu có thời điểm mở thừa kế mở trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực thì còn tùy thời điểm người quá cố mất, thời hiệu còn có thể kéo dài hơn. Việc vận dụng các quy định pháp luật để kéo dài thời hiệu còn nằm tản mạn rời rạc rất nhiều trong các văn bản khác nhau từ Nghị quyết của UBTVQH, Án lệ, các công văn giải đáp của Tòa án, làm cho việc xác định trở nên rắc rối, tồn tại nhiều bất cập khi giải quyết các vụ việc cụ thể.

2.2 Thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật về thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự

Tại Điều 184 BLTTDS 2015 quy định thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự thì được áp dụng theo Bộ luật dân sự:

“Điều 184. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự

1. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự.

2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.”

Theo đó, Điều 132 BLDS 2015 quy định về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự, thời hiệu trên là phù hợp với nhiều quy định về thời hiệu trong các văn bản pháp luật liên quan nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quyền lợi chính đáng của người bị xâm hại và chưa thực sự hợp lý do thời hiệu được tính kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. Với quy định này, Điều 132 đã không xét đến thời điểm nào bên bị nhầm lẫn, bị lừa dối hoặc bị đe dọa có thể sử dụng được quyền của mình. Nhiều vụ việc tranh chấp xảy ra cho thấy, người bị nhầm lẫn, bị lừa dối hoặc bị đe dọa không biết mình bị nhầm lẫn, bị lừa dối khi ký kết hợp đồng và trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, chỉ khi quyền lợi của họ bị xâm phạm thì họ mới biết hành vi lừa dối của bên kia hoặc có thể sợ hãi buộc phải ký kết hợp đồng mà không dám yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng, giao dịch dân sự đó vô hiệu mặc dù thời gian kéo dài quá hai năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. Vì vậy, việc xác định thời hiệu như vậy tuy dễ xác định, tạo điều kiện cho Tòa

án khi giải quyết tranh chấp nhưng lại không đảm bảo đầy đủ quyền khởi kiện chính đáng của người bị thiệt hại.

Bên cạnh đó, BLDS 2015 chỉ quy định thời hiệu yêu cầu trong trường hợp Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là 02 năm, những yêu cầu về dân sự khác yêu cầu Tòa án giải quyết như yêu cầu tuyên bố một người mất tích hoặc chết; yêu cầu về hôn nhân và gia đình, Hiện nay không có quy định cụ thể về thời hiệu yêu cầu là trường hợp “pháp luật không có quy định khác” và cách áp dụng thời hiệu yêu cầu như thế nào hay phải hiểu rằng những yêu cầu đó thì không áp dụng thời hiệu yêu cầu. Theo đó, những quy định này cho tới nay vẫn chưa được quy định cụ thể chi tiết. Điều 132 BLDS 2015 cũng quy định nhằm công nhận hiệu lực của các giao dịch dân sự khi hết thời hiệu khởi kiện: *“Hết thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này mà không có yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu thì giao dịch dân sự có hiệu lực”*. Việc đưa thêm một khẳng định như vậy về mặt ý nghĩa thì không sai, nhưng có thể trở nên dư thừa. Bởi theo nguyên tắc, khi hết thời hiệu khởi kiện thì các bên mất quyền khởi kiện, và như vậy các giao dịch đó có hiệu lực. Tuy nhiên, nếu điều luật được thiết kế theo lối mô tả và khẳng định như trên, câu hỏi đặt ra là liệu có áp dụng được Điều 156 về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện và Điều 157 về bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự hay không?

Ngoài ra, các quy định về thời hiệu yêu cầu đối với các việc dân sự khác như hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại,....thì hiện nay chưa được quy định cụ thể, chi tiết về thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự cũng như những trường hợp ngoại lệ khi áp dụng thời hiệu yêu cầu.

2.3 Thực tiễn thực hiện quy định ngoại lệ của pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự

Thứ nhất, Khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015 quy định Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu khi đương sự có yêu cầu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định, nội dung này cho thấy đây là quyền của đương sự được yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để giải quyết. Tuy nhiên, pháp luật không quy định Tòa án phải giải thích cho đương sự được biết để thực hiện quyền này. Với trình độ hiểu biết pháp luật của đa số các đương sự hiện nay, việc hiểu và nắm được quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu là một vấn đề khó khăn. Pháp luật quy định cho đương sự có quyền, nhưng thực tế đương sự không biết để thực hiện quyền này, điều này dẫn đến pháp luật chưa đi vào đời sống nhân dân, tính xã hội của pháp luật chưa được đảm bảo.

Thứ hai, với quy định tại Khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015 đã tạo cho các Tòa án có nhiều cách hiểu khác nhau, thậm chí các Thẩm phán trong cùng một Tòa án cũng có thể hiểu có nhiều cách hiểu khác nhau. Có Thẩm phán hiểu và phổ biến quyền này và giải thích hậu quả pháp lý cho đương sự; ngược lại có Thẩm phán không phổ biến và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Từ đó dẫn đến, có những vụ án có tính chất tương tự nhau, thời hiệu khởi kiện đã hết như nhau, nhưng có thể cùng một Tòa án các Thẩm phán lại có nhiều cách giải quyết vụ án khác nhau, hoặc là đình chỉ (do đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu) hoặc là tiếp tục giải quyết và ban hành bản án, quyết định. Điều này tạo cảm giác không công bằng cho các đương sự khi tham gia vào quá trình tố tụng, ảnh hưởng đến sự tin tưởng của mọi người đối với cơ quan xét xử.

Thứ ba, pháp luật tố tụng dân sự quy định đương sự được thực hiện quyền yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Nếu quy định như vậy, đương sự không biết quyền này và không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, đến khi hết thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm (từ 04 đến 06 tháng), Tòa án đưa vụ án ra xét xử, thậm chí trước khi Hội đồng

xeys xử nghị án là phần tranh luận của các đương sự, lúc đó đương sự mới yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án này thì lúc này nếu hết thời hiệu khởi kiện Tòa án phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo Điều e Khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015: *“Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây: Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết”*.

Trong trường hợp vụ án có tính chất phức tạp, thời gian tố tụng kéo dài, phải trải qua nhiều thủ tục tố tụng tốn kém như đã đo đạc, vẽ lược đồ, thẩm định, định giá, thu thập chứng cứ, xác minh, ủy thác tư pháp,... Các chi phí, lệ phí do đương sự đã tạm ứng khi Tòa án đình chỉ sẽ giải quyết như thế nào? Khi đó, các đương sự bị ảnh hưởng từ việc Tòa án đình chỉ do áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của đương sự khác sẽ khiếu nại và yêu cầu Tòa án giải thích pháp luật. Tóm lại, việc quy định đương sự được quyền yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu ở thời điểm trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định sẽ dẫn đến nhiều vướng mắc, bất cập.

Thứ tư, hình thức giải quyết bằng trọng tài được coi là phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án phát triển nhất ở Việt Nam hiện nay. Trọng tài nói chung và Luật Trọng tài thương mại 2010 nói riêng đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Tòa án. Trong số các phương thức giải quyết tranh chấp thì rõ ràng thương lượng, đàm phán vẫn là phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến nhất, đặc biệt với tranh chấp kinh doanh, thương mại và đầu tư. Các bên hoàn toàn kiểm soát được quá trình thương lượng để nhằm đạt được những mục đích không chỉ thuần túy về pháp lý mà là những mục đích kinh doanh trong đó ưu tiên duy trì quan hệ giữa các đối tác kinh doanh có phát sinh tranh chấp. Thương lượng và hòa giải có nhiều điểm tương đồng mà trong đó các bên đều là người làm chủ việc giải quyết tranh chấp và có

quyền tự do thỏa thuận để giải quyết tranh chấp. Điểm khác biệt cơ bản giữa hai hình thức này là sự tham gia của bên thứ ba là hòa giải viên trong quá trình hòa giải để hỗ trợ các bên đạt được thỏa thuận để giải quyết tranh chấp.

Một trong những rào cản lớn nhất cho các bên tranh chấp là nguy cơ vụ kiện bị hết thời hiệu nếu việc thương lượng bị kéo dài, có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Thời gian thương lượng hòa giải càng kéo dài thì thời hiệu chủ thể có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết càng ít và đôi khi việc thương lượng, hòa giải do không thành nên khi các bên muốn đưa tranh chấp đó ra Tòa án thì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Thứ năm, từ thực tiễn trên cho thấy còn nhiều hạn chế trong nhận thức pháp luật về thời hiệu dẫn đến việc áp dụng quy định về thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án theo yêu cầu áp dụng thời hiệu là chưa chính xác. Đồng thời, cho thấy việc nhận diện trở ngại khách quan không tính vào thời hiệu khởi kiện là chưa thống nhất và không đơn giản. Để việc áp dụng pháp luật về thời hiệu chính xác, phù hợp cần có sự hướng dẫn cụ thể của TANDTC về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đối với trường hợp “trở ngại khách quan” do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho chủ thể có quyền không thể thực hiện quyền khởi kiện.

Thứ sáu, cách xác định thời hiệu khởi kiện trong các tranh chấp về kinh doanh, thương mại phù hợp với nguyên tắc chung về xác định thời hiệu khởi kiện nhưng do chưa có hướng dẫn cụ thể nên gây ra những khó khăn và sai sót nhất định trong công tác giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án.

Ví dụ: Tháng 08/01/2018 Nhà máy chè Đại Từ ký hợp đồng bán một phần máy móc, thiết bị cho Công ty cổ phần chè Hà Thái với giá 300.000.000 đồng, bảo hành 10 tháng (hết ngày 08/11/2018). Công ty Hà Thái thanh toán trước 50% giá trị hợp đồng (tức 150.000.000 đồng), số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau khi hết thời gian bảo hành của máy móc, thiết bị. Ngày

27/12/2018, Nhà máy chè Đại Từ gửi công văn yêu cầu Công ty Hà Thái thanh toán nốt số tiền còn lại trong hợp đồng. Ngày 12/01/2019 Công ty Hà Thái có gửi công văn trả lời sẽ thực hiện đúng hợp đồng. Tuy nhiên, đến tháng 11/2020 khoản tiền trên vẫn chưa được Công ty Hà Thái thanh toán cho Nhà máy chè Đại Từ. Ngày 14/12/2020 Nhà máy chè Đại Từ gửi đơn đến TAND Huyện Đại Từ khởi kiện Công ty cổ phần chè Hà Thái. Tại Bản án số 02/2021/KDTM-ST ngày 05/01/2021 TAND Huyện Đại Từ quyết định yêu cầu Công ty cổ phần chè Hà Thái thanh toán số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi 26 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 01/2021) của số tiền trên theo lãi suất ngân hàng cho Nhà máy chè Đại Từ. Công ty cổ phần chè Hà Thái đã kháng cáo. Tại Bản án 01/2021/KDTM-PT ngày 27/03/2021 TAND Tỉnh Thái Nguyên quyết định hủy bản án sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST của TAND Huyện Đại Từ và đình chỉ giải quyết vụ án. TAND Huyện Đại Từ chấp nhận đơn khởi kiện của Nhà máy chè Đại Từ vì cho rằng còn thời hiệu khởi kiện và xác định thời hiệu bắt đầu từ ngày 12/01/2019 – ngày Công ty chè Hà Thái trả lời về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Trong trường hợp này, mặc dù giữa Nhà máy chè Đại Từ và Công ty Hà Thái có sự trao đổi qua lại nhưng không đề cập đến việc thay đổi thời hạn hợp đồng, cũng không thể coi là một trường hợp bắt đầu lại thời hiệu. Thời hiệu phải được xác định bắt đầu từ ngày 08/11/2018 – ngày Công ty Hà Thái vi phạm nghĩa vụ. Do vậy, đến ngày 14/12/2020, Nhà máy chè Đại Từ mới khởi kiện là đã hết thời hiệu.²⁶ Đối với tranh chấp về dịch vụ logistics, tuy luật Thương mại không có quy định cụ thể về thời hiệu khởi kiện nhưng theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 237 Luật Thương mại 2005 thì có thể hiểu rằng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp về dịch vụ logistics là 9 tháng kể từ ngày giao hàng. Do đặc thù của dịch vụ logistics là công cụ trợ giúp cho các hoạt

²⁶ Phạm Văn Lợi (2018), *Tạp chí Nghề luật*, Bàn về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, số 6/2018, tr.45

động thương mại, thực hiện các công việc thuộc về hình thức hàng hóa mà ít liên quan đến nội dung, chất lượng hàng hóa. Bởi vậy những sai sót, vi phạm trong lĩnh vực dịch vụ logistics là rất dễ phát hiện bằng mắt thường và phương pháp kiểm tra đơn giản. Trên cơ sở đó các chủ thể có thể thực hiện ngay được quyền khởi kiện của mình khi có vi phạm. Vì vậy thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp về dịch vụ logistics chỉ cần khoảng thời gian 9 tháng ngắn hơn nhiều so với thời hiệu yêu cầu giải quyết các tranh chấp thương mại khác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Dựa trên những vấn đề lý luận về thời hiệu trong tố tụng dân sự có thể thấy thời hiệu trong tố tụng dân sự là một vấn đề phức tạp và khó trong pháp luật dân sự Việt Nam. Qua đó, quy định pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự bộc lộ những bất cập, hạn chế, những mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thông nhất trong một số quy định hiện hành dẫn đến những cách hiểu khác nhau khi áp dụng. Nguyên nhân hạn chế xét đến từ phía Tòa án, người dân thực hiện, cho thấy rằng cần có một sự thay đổi đồng đều ở các chủ thể này mới góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định về thời hiệu trong tố tụng dân sự.

CHƯƠNG 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỜI HIỆU TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự

Vấn đề thời hiệu khởi kiện không phải là vấn đề mới của pháp luật Việt Nam, qua thời gian thực thi pháp luật, quy định này đã bộc lộ một số bất cập hạn chế. Do đó, cần phải hoàn thiện pháp luật, cụ thể:

Thứ nhất, cần sửa đổi quy định của thời hiệu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại cần được sửa đổi theo hướng *“thời hiệu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là 03 năm kể từ ngày người có quyền biết hoặc phải biết về việc người để lại di sản chết”*. Quy định này cũng làm cơ sở để người thừa kế công bố sự kiện chết của người để lại di sản một cách công khai, tránh tình trạng giấu giếm gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Thứ hai, cần sửa đổi quy định về thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu về hình thức hợp đồng

Quy định này vô hình trung đã tạo cơ hội cho các chủ thể cố tình không tuân thủ quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng. Do đó, cần xem xét quy định giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm quy định về hình thức là giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối.

Thứ ba, cần bổ sung hướng dẫn áp dụng thống nhất về quy định “trở ngại khách quan” là căn cứ không tính vào thời hiệu khởi kiện

Cần quy định cụ thể, chi tiết, rõ hơn những trường hợp nào là sự trở ngại khách quan, không tính vào thời hiệu khởi kiện để đảm bảo tính đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác. Theo đó, Tòa án hay mọi người áp

dụng luật sẽ không gặp lúng túng về việc giao dịch dân sự của họ khi có trở ngại khách quan thì có tính vào thời hiệu khởi kiện hay không.

Thứ tư, cần sửa đổi quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Cần phải quy định cách tính thời hiệu khởi kiện về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo hướng bao quát hơn và phù hợp hơn đối với nhiều yêu cầu bồi thường thiệt hại khác, đặc biệt các bồi thường thiệt hại liên quan tới môi trường, sức khỏe, tính mạng hay bạo lực. Bởi lẽ, những yêu cầu bồi thường thiệt hại này đều không xuất hiện những thiệt hại luôn mà có thể phải một thời gian sau, thiệt hại và quyền lợi của họ mới xuất hiện và khi đó thì có thể hết thời hiệu khởi kiện.

Thứ năm, theo pháp luật hiện hành thì thời hiệu khởi kiện là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế đối với yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác, trong khi thực tiễn cho thấy với đạo lý, truyền thống của người Việt Nam sẽ có rất ít những người con sẽ thực hiện quyền đòi chia di sản khi một bên bố hoặc mẹ còn sống trong vòng mười năm kể từ ngày mở thừa kế. Hơn nữa, quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu lại chưa thống nhất với thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế, do đó tình trạng yêu cầu khởi kiện của người có quyền thừa kế không được xem xét do thời hiệu khởi kiện đã hết và người đang chiếm giữ tài sản cũng không có đủ căn cứ để trở thành sở hữu chủ của tài sản. Theo đó, cần sửa đổi quy định về thời hiệu khởi kiện về thừa kế.

Thứ sáu, để có căn cứ áp dụng thống nhất và đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quyền lợi của chủ thể thì cần sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng quy định thêm trường hợp khi có nhiều sự kiện là căn cứ bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện xảy ra thì sự kiện cuối cùng là căn cứ bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thời hiệu yêu cầu trong tố tụng dân sự

Thứ nhất, sửa đổi quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu. Theo quy định pháp luật, thời hiệu được tính kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập là chưa đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quyền lợi chính đáng của người bị xâm hại và chưa thực sự hợp lý. Đặc biệt là đối với giao dịch dân sự vô hiệu do nhầm lẫn, bị lừa dối hoặc bị đe dọa. Vì vậy, cách tính thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn, bị lừa dối hoặc bị đe dọa theo quy định của BLDS hiện hành nên được sửa đổi theo hướng: Đối với giao dịch dân sự được xác lập do bị đe dọa, thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là hai năm, kể từ ngày sự việc đe dọa chấm dứt; Đối với giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, bị lừa dối, thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự là hai năm, kể từ ngày bên bị nhầm lẫn, bị lừa dối biết hoặc phải biết về sự nhầm lẫn hoặc lừa dối này.

Thứ hai, cần sửa đổi BLTTDS về vấn đề thời hiệu khởi kiện theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tranh chấp tận dụng phương thức thương lượng hòa giải cần được quan tâm đúng mực.

3.3. Kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự

Thứ nhất, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng công tác xét xử của cơ quan Tòa án

Hệ thống pháp luật nước ta hiện nay rất đồ sộ với một số lượng lớn các văn bản quy phạm pháp luật ở các cấp độ hiệu lực khác nhau do nhiều cơ quan có thẩm quyền ban hành thì để áp dụng đúng, hợp lý các quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự trong quá trình xét xử các vụ án dân sự thì phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, năng lực chuyên môn của Thẩm phán.

Vì vậy, cần tăng cường tổ chức các lớp hoặc các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng xét xử cho các Thẩm phán, cán bộ viên chức làm việc tại Tòa án.

Thứ hai, thường xuyên tổ chức các cuộc họp để rút kinh nghiệm

Việc tổ chức các cuộc họp thường xuyên để rút kinh nghiệm trong việc áp dụng các quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, kết hợp với việc tổ chức các Hội thảo khoa học, Hội nghị chuyên đề về áp dụng các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong xét xử vụ án dân sự. Cùng với đó là nâng cao, trình độ, năng lực của đội ngũ cần tăng cường và đổi mới công tác đào tạo nguồn Thẩm phán vì Thẩm phán được coi là một nghề đặc biệt nên cần một trình độ cao về pháp luật và cần được đào tạo.

Thứ ba, tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục khởi kiện, thụ lý các vụ án dân sự tại Tòa án

Cần có giải pháp cụ thể để tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, bởi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không những góp phần hình thành ở người dân thái độ, ý thức chấp hành pháp luật mà còn giúp họ biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ tư, tăng cường công tác giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động xét xử của Tòa án

Cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ trong việc kiểm sát các bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của Tòa án đã có hiệu lực nhưng phát hiện có vi phạm pháp luật về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự để báo cáo Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Thứ năm, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc giải thích của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong thời gian qua chưa được thường xuyên và còn rất ít. Bên cạnh nguyên nhân do các cơ quan áp dụng pháp luật và những người thi hành pháp luật chưa chủ động đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích thì cũng vẫn còn tình trạng đã có đề nghị giải thích nhưng việc giải thích cũng chưa được tiến hành kịp thời khiến những quy định này khó áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Vì vậy, để nâng cao công tác chất lượng công tác xét xử của Tòa án, đảm bảo Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm áp dụng đúng, thống nhất pháp luật nói chung và các quy định về thời hiệu khởi kiện nói riêng thì cần nghiên cứu, trao cho Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thẩm quyền giải thích quy phạm pháp luật trong quá trình xét xử.

Thứ sáu, song song với tăng cường chất lượng đội ngũ làm công tác xét xử, Tòa án nhân dân tối cao cần có giải pháp để tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, bởi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không những góp phần hình thành ở người dân thái độ, ý thức chấp hành pháp luật mà còn giúp họ biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ bảy, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự cần được thực hiện với nhiều biện pháp, hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng tuyên truyền như thông qua công tác xét xử, lựa chọn các vụ án điển hình có liên quan đến thời hiệu khởi kiện để tổ chức xét xử lưu động, qua đó phổ biến, tuyên truyền về thời hiệu khởi kiện cho người dân; xây dựng chuyên trang, chuyên mục giới thiệu, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc về thời hiệu khởi kiện trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân

các cấp, trên Tạp chí Tòa án nhân dân,... Bên cạnh đó, cần phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn luật sư Việt Nam, hệ thống Trợ giúp pháp lý Việt Nam và các tổ chức xã hội khác trong việc tuyên truyền, phổ biến về thời hiệu khởi kiện, lồng ghép nội dung này vào các đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại các địa bàn của các vùng sâu, vùng xa để thông qua đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý sẽ phổ biến sâu, rộng để bảo đảm người dân biết được quyền khởi kiện của mình khi có tranh chấp.

Thứ tám, cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ trong việc kiểm sát các bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của Tòa án đã có hiệu lực nhưng phát hiện có vi phạm pháp luật về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự để báo cáo Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội cần phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên để làm tốt công tác giám sát, phát hiện những trường hợp áp dụng không đúng quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự tại các Tòa án dẫn tới làm mất cơ hội bảo vệ quyền lợi của chủ thể, từ đó có những kiến nghị nhằm kịp thời khắc phục, sửa chữa những sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Dựa trên những phân tích về lý luận và thực tiễn được nêu ở hai chương trước, chương ba đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật và kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật nhằm giải quyết các vấn đề còn gây ra hạn chế làm giảm hiệu quả thực hiện các quy định về thời hiệu trong tố tụng dân sự

Thời hiệu trong tố tụng dân sự trong pháp luật dân sự Việt Nam là điều kiện đầu tiên mà Tòa án xem xét khi thụ lý một vụ án dân sự. Hoàn thiện các quy định về thời hiệu khởi kiện là cơ sở để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong thực tiễn. Góp phần làm cho các nội dung điều chỉnh của pháp luật về thời hiệu trong tố tụng dân sự được áp dụng chặt chẽ, giúp Tòa án và người thi hành pháp luật không gặp lúng túng khi áp dụng.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu một số vấn đề lý luận về những bất cập thời hiệu trong tố tụng dân sự có thể thấy rằng thời hiệu trong tố tụng dân sự là một vấn đề phức tạp và còn nhiều quan điểm khác nhau cả trong lý luận và thực tiễn áp dụng. Qua phân tích, so sánh, tác giả đã đưa thêm những góc nhìn khác nhau về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu tạo cơ sở cho việc đánh giá và kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật về thời hiệu.

Đồng thời, tác giả cũng đi sâu vào phân tích, đánh giá các quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu trong BLTTDS 2015. Qua nghiên cứu, tác giả đã chỉ rõ những bất cập, hạn chế, những mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất trong một số quy định của pháp luật hiện hành dẫn đến những cách hiểu khác nhau trên thực tiễn.

Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận về thời hiệu trong tố tụng dân sự và phân tích, đánh giá một cách khoa học các quy định của pháp luật về vấn đề này cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện và thực thi pháp luật thời hiệu trong tố tụng dân sự .

Tuy nhiên, lần đầu tiên nghiên cứu về vấn đề này nên khóa luận không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tác giả mong được các thầy, cô giáo, quan tâm đến vấn đề thời hiệu trong tố tụng dân sự có những ý kiến đóng góp vào vấn đề này trong các công trình nghiên cứu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp, <https://moj.gov.vn/qt/cacchuyenmuc/pldn/Pages/pho-bien-pl-doanh-nghiep.aspx?ItemID=20>, truy cập ngày 11/05/2022;
2. Dương Tác Thành (2018), *Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự*, *Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/xet-xu/thoi-hieu-khoi-kien-vu-an-dan-su>, truy cập ngày 10/05/2022;
3. Nông Thanh Xuyên (2010), *Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội;
4. Nguyễn Minh Oanh (2018), Hoàn thiện quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về thời hạn và thời hiệu, *Tạp chí luật học*;
5. Nguyễn Minh Tuấn (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Tư pháp;
6. Nguyễn Thị Minh Phượng (2021), *Thời hiệu khởi kiện và thực tiễn áp dụng pháp luật đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo yêu cầu áp dụng thời hiệu*, *Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/thoi-hieu-khoi-kien-va-thuc-tien-ap-dung-phap-luat-dinh-chi-giai-quiet-vu-an-dan-su-theo-yeu-cau-ap-dung-thoi-hieu>, truy cập ngày 10/05/2022;
7. *Tạp chí tòa án nhân dân điện tử của tòa án nhân dân tối cao* (2017), https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/tuyen-bo-giao-dich-dan-su-vo-hieu-va-giai-quiet-hau-qua-giao-dich-dan-su-vo-hieu?fbclid=IwAR3o6VZof--zJ_dFpEZhvKZS8ucoNTXrSRNXNCHu3CgCX1n0qhfHfMuO_9I, truy cập ngày 12/05/2022;
8. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*, Nxb Công An nhân dân, Hà Nội;

9. Phạm Nguyệt Hằng, *Những lưu ý khi áp dụng thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật dân sự năm 2015*,

10. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự, số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

11. Quốc Hội (2015), Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

12. Quốc Hội (2005), Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

13. Quốc Hội (2010), Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17/06/2010;

14. Quốc Hội (2015), Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

15. Võ Thị Minh Phương (2021), Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, *Thời hiệu và một số bất cập về áp dụng thời hiệu*,

<https://toaanduyxuyen.gov.vn/thoi-hieu-va-mot-so-bat-cap-ve-ap-dung-thoi-hieu.html>, truy cập ngày 10/05/2022;

16. Hoàng Sơn (2022), Sở Tư pháp Bình Thuận, *Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện*, <https://stp.binhthuan.gov.vn/1327/32856/65786/616274/tim-hieu-phap-luat/hau-qua-phap-ly-cua-giao-dich-dan-su-do-nguoi-khong-co-quyen-dai-dien-xac-lap-thuc-hien.aspx>, truy cập ngày 15/5/2022;

17. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (2020), “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất*”, Bản án số 28/2020/DS-ST, ngày 14/12/2020;

18. Phạm Văn Lợi (2018), *Tạp chí Nghề luật*, Bàn về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, số 6/2018, tr.45;

19. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2016), Nghị Quyết số 02/2016/NQ – HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính;